

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2023/DS-ST

Ngày 30 - 9 - 2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng,
hợp đồng thế chấp tài sản”.

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Bình và bà Lê Thái Thị Kim Vân

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Việt Hùng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Y - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 183/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2023 về việc tranh chấp: “Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2023/QĐXXST-DS ngày 25/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2023/QĐST-DS ngày 11/9/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ: T, số C H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đức Quốc S – Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh N. (Quyết định số 91/QĐ-BIDV.NT ngày 01/4/2022 của Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh N và Quyết định số 963/QĐ-BIDV ngày 25/10/2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đ về việc Ủy quyền tham gia tố tụng).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn C – Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh N (Quyết định số 355/QĐ-BIDV.NT ngày 08/8/2023 của Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh N về việc Ủy quyền tham gia tố tụng) (có mặt).

Bị đơn: Ông **Hoàng Minh H**, sinh năm: 1984

Địa chỉ: **Khu phố D, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận** (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 6 năm 2023 và trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông **Nguyễn Văn C** trình bày:*

Ông **Hoàng Minh H** có quan hệ tín dụng tại **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh N** (Sau đây viết tắt là **Ngân hàng B1**) theo Hợp đồng tín dụng số Q85201/2020/HĐTD ngày 28/8/2020, cụ thể như sau: Số tiền vay ban đầu: 270,000,000 đồng, thời hạn vay: 60 tháng, lãi suất vay ban đầu: 10%/năm, mục đích vay: Tiêu dùng, lãi suất vay hiện nay: 12.5%/năm, kỳ hạn trả nợ: Hàng tháng, số tiền trả nợ hàng tháng: 5,940,000 đồng. Ông **H** đã trả nợ cho **Ngân hàng B1** số tiền gốc 117,299,065 đồng, số tiền lãi 38,531,026 đồng. Tính đến hết ngày 30/9/2023, ông **H** còn nợ **Ngân hàng B1** số tiền 181,412,477 đồng, trong đó nợ gốc: 152,700,935 đồng, nợ lãi: 28,711,542 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu bà **Tôn Nữ Quỳnh G** (vợ ông **H** thời điểm ký hợp đồng, nay đã ly hôn) có nghĩa vụ trả nợ chung với ông **Hoàng Minh H**.

Để bảo đảm cho toàn bộ số tiền vay, ông **Hoàng Minh H** đã ký kết với **Ngân hàng B1** hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2020/Q852/HĐBĐ ngày 28/8/2020 xe ô tô 5 chỗ, hiệu Daewoo đời 2004; Biển số 85A – 049.33, theo Giấy đăng ký xe số 006518 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an Ninh Thuận cấp ngày 14/10/2019, giá trị định giá: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Đến nay, toàn bộ nợ vay theo Hợp đồng tín dụng nêu trên đã quá hạn.

Vì vậy, **Ngân hàng B1** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông **Hoàng Minh H** phải trả toàn bộ nợ vay cho **Ngân hàng B1** với tổng số tiền tính đến ngày 30/9/2023 là 181,412,477 đồng, trong đó nợ gốc: 152,700,935 đồng, nợ lãi: 28,711,542 đồng

2. Ông **Hoàng Minh H** phải tiếp tục trả lãi phát sinh đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán tính từ ngày 01/10/2023 theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ vay.

3. Ông **Hoàng Minh H** phải tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2020/Q852/HĐBĐ ngày 28/08/2020 đã được ký kết để thi hành án trả toàn bộ nợ vay cho **Ngân hàng B1**.

Đối với bị đơn ông **Hoàng Minh H**: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông **H** nhưng ông **H** vẫn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm, cụ thể như sau:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: **Ngân hàng B1** khởi kiện yêu cầu ông **Hoàng Minh H** phải trả số tiền nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số Q85201/2020/HĐTD ngày 28/8/2020 và duy trì hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho khoản nợ vay. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản*”. Bị đơn cư trú ở **khu phố D, phường Đ, TP . - T** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Phan Rang - **T** theo khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Xử lý về việc vắng mặt của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa sơ thẩm Tòa án nhân dân TP. Phan Rang - **T** đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn ông **Hoàng Minh H** đều vắng mặt. Điều này chứng tỏ, bị đơn đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Đối với ông **Trần Đức B**, sinh năm 1993. Nơi cư trú: **Thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận** người đứng tên trong Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 85A – 049.33. Tại biên bản lấy lời khai của Tòa án nhân dân TP. Phan Rang – **T** đối với ông **Trần Đức B** ngày 24/8/2023, ông **B** xác nhận trước đây ông đã bán cho ông **Hoàng Minh H** xe ô tô hiệu Daewo, biển số 85A – 049.33. Ông đã làm giấy uỷ quyền cho ông **H** toàn quyền định đoạt về chiếc xe này trong việc thế chấp, mua, bán, tặng, cho. Ông **B** không còn quyền lợi cũng như nghĩa vụ gì đối với chiếc xe nên đề nghị Tòa án không đưa ông vào tham gia tố tụng. Do vậy, Tòa án không đưa ông **B** vào tham gia tố tụng là phù hợp pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: căn cứ lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, đối chiếu Giấy đề nghị vay vốn, hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản, bảng theo dõi nợ chưa thu, cùng với các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình thì giữa **Ngân hàng B1** với ông **Hoàng Minh H** có quan hệ tín dụng thông qua hợp đồng vay vốn số Q85201/2020/HĐTD ngày 28/8/2020, cụ thể như sau: Số tiền vay ban đầu: 270,000,000 đồng, thời hạn vay: 60 tháng, lãi suất vay ban đầu: 10%/năm, mục đích vay: Tiêu dùng, lãi suất vay hiện nay: 12.5%/năm, kỳ hạn trả nợ: Hàng tháng, số tiền trả nợ hàng tháng: 5,940,000 đồng. Ông **H** đã trả nợ cho **Ngân hàng B1** số tiền gốc 117,299,065 đồng, số tiền lãi 38,531,026 đồng.

Xét nội dung của hợp đồng tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật. Đến hạn trả nợ ông **H** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Từ ngày 23/02/2022, **Ngân hàng B1** đã chuyển toàn bộ số tiền nợ vay sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đã thỏa thuận trên số dư nợ gốc quá hạn là phù hợp với hợp đồng tín dụng đã ký kết và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Tính đến hết ngày 30/9/2023, ông **H** còn nợ **Ngân hàng B1** số tiền 181,412,477 đồng trong đó nợ gốc: 152,700,935 đồng, nợ lãi: 28,711,542 đồng.

Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ mà **Ngân hàng B1** đã cung cấp cho Tòa án, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án thì ông **H** vắng mặt và không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để phản bác hoặc phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng B1**. Vì vậy, căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[2.2] Biện pháp bảo đảm cho khoản tín dụng trên:

Để bảo đảm cho toàn bộ số tiền vay, ông **Hoàng Minh H** đã ký kết với **Ngân hàng B1** Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2020/Q852/HĐBĐ ngày 28/08/2020 là xe ô tô 5 chỗ hiệu Daewoo đời 2004; Biển số 85A – 049.33, theo Giấy đăng ký xe số 006518 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an Ninh Thuận cấp ngày 14/10/2019 có giá trị định giá: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng)

Hội đồng xét xử thấy rằng nội dung của hợp đồng thế chấp phù hợp với quy định của pháp luật, có đầy đủ chữ ký của bên thế chấp, đã được công chứng và đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên việc **Ngân hàng B1** yêu cầu tiếp tục duy trì các hợp đồng thế chấp trên, yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không trả được nợ là phù hợp với quy định tại các Điều 317, 319 và 320 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, 317, 319, 320, 357, 466 và Điều 468 của Bộ Luật dân sự;

Căn cứ khoản 16 Điều 4 và Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ**.
 2. Buộc ông **Hoàng Minh H** có nghĩa vụ trả nợ cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ** số tiền: 181,412,477 đồng (Một trăm tám mươi một triệu bốn trăm mười hai nghìn bốn trăm bảy mươi bảy đồng) trong đó nợ gốc: 152,700,935 đồng (Một trăm năm mươi hai triệu, bảy trăm nghìn chín trăm ba mươi lăm đồng) nợ lãi: 28,711,542 đồng (Hai mươi tám triệu bảy trăm mười một nghìn năm trăm bốn mươi hai đồng).
 3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông **Hoàng Minh H** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ** thì lãi suất mà ông **Hoàng Minh H** phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ**.
 4. Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2020/Q852/HĐBĐ ngày 28/08/2020 là xe ô tô 5 chỗ hiệu Daewoo đời 2004; BKS 85A – 049.33 theo Giấy đăng ký xe số 006518 do Phòng CSGT - Công an Ninh Thuận cấp ngày 14/10/2019 giữa (Một trăm triệu đồng) giữa ông **Hoàng Minh H** và **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ** để đảm bảo thi hành án.
- Trường hợp ông **Hoàng Minh H** không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm sẽ được **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ** yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mãi để thu hồi nợ vay.
5. Về án phí: ông **Hoàng Minh H** phải chịu: 9.070.623 đồng (Chín triệu không trăm bảy mươi nghìn sáu trăm hai mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.
- **H1** lại cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ** số tiền: 4.354.000 đồng (Bốn triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0005415 ngày 08/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - **T, tỉnh Ninh Thuận**.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Hùng

